TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TA** **TỈNH PHÚ YÊN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 37/2020/HNGĐ-ST
Ngày 21/9/2020
V/v " Tranh chấp ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TUY AN, TỈNH PHÚ YÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thị Cơ.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Ngọc Trưng và ông Trần Sáu.

*- Thư ký tòa án ghi biên bản phiên tòa***:** Bà Trần Thị Ngọc Hà – Thư ký Toà án nhân dân huyện TA, tỉnh Phú Yên.

Vào lúc 08 giờ 30 phút, ngày 21 tháng 9 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện TA, tỉnh Phú Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 152/2020/HNGĐ - ST ngày 27 tháng 7 năm 2020, về việc " Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 38/2020/QĐXXST- HNGĐ ngày 24/8/2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Phạm Thị S, sinh năm 1969

2. Bị đơn: Ông Đặng Ngọc C, sinh năm 1966

Cùng địa chỉ: Thôn TL, xã AC, huyện TA, tỉnh Phú Yên.

Các đương sự có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 10/7/2020 và quá trình thu thập chứng cứ, nguyên đơn bà Phạm Thị S trình bày:

Bà và ông C về ở chung với nhau vào năm 1989 nhưng không đăng ký kết hôn. Trong quá trình sống chung bà và ông C có 03 con chung là Đặng Thị Ngọc T, sinh năm 1991, Đặng Ngọc T, sinh năm 1994 và Đặng Thị Ngọc L, sinh năm 1996. Nay giữa bà và ông C có nhiều mâu thuẫn không thể tiếp tục sống với nhau nên bà yêu cầu Tòa không công nhận vợ chồng giữa bà với ông C.

Con chung đã trưởng thành nên không yêu cầu giải quyết.

Tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết.

Bị đơn Đặng Ngọc C trình bày: Về quan hệ hôn nhân, con chung và tài sản chung đúng như bà S trình bày. Nay ông đề nghị Tòa không công nhận vợ chồng giữa ông và bà S; con chung đã trưởng thành nên không yêu cầu giải quyết; Tài sản chung không giải quyết.

Tại bản xác nhận ngày 07/7/2020, Uỷ ban nhân dân xã AC xác nhận bà S, ông C không có đăng ký kết hôn tại xã.

Tại phiên tòa: Bà S, ông C thống nhất đề nghị Tòa giải quyết không công nhận vợ chồng giữa bà S và ông C; con chung đã trưởng thành nên không yêu cầu giải quyết; tài sản chung không yêu cầu giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Bà Phạm Thị S và ông Đặng Ngọc C sống chung với nhau từ năm 1989 nhưng đến nay chưa đăng ký kết hôn. Bà S có đơn yêu cầu không công nhận vợ chồng. Nên quan hệ pháp luật tranh chấp là: Tranh chấp ly hôn.

[2] Áp dụng pháp luật về tố tụng: Bị đơn ông Đặng Ngọc C có địa chỉ tại xã AC nên áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm b khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện TA.

[3] Áp dụng pháp luật về nội dung: Bà Phạm Thị S và ông Đặng Ngọc C sống chung với nhau từ năm 1989 nhưng đến nay vẫn chưa đăng ký hôn nên căn cứ các Điều 14, 15, 16 Luật hôn nhân gia đình năm 2014 để giải quyết vụ án.

[4] Về yêu cầu của nguyên đơn:

[4.1] Về quan hệ hôn nhân: Theo bà S, ông C trình bày: Ông, bà đã sống chung với nhau từ năm 1989 cho đến nay nhưng chưa làm thủ tục đăng ký kết hôn. Uỷ ban nhân dân xã AC xác nhận bà S, ông C không đăng ký kết hôn tại xã. Nay cuộc sống giữa bà S, ông C xãy ra mâu thuẫn, không thể tiếp tục chung sống với nhau nên bà S, ông C đều đề nghị Tòa không công nhận là vợ chồng. Hội đồng xét xử xét thấy, việc Bà S, ông C tự nguyện sống chung với nhau nhưng không có đăng ký kết hôn nên không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ chồng. Do đó, yêu cầu của bà S và ông C là có căn cứ pháp luật nên chấp nhận.

[4.2] Về con chung: Bà S và ông C thống nhất xác định có 03 con chung, gồm: Đặng Thị Ngọc T, sinh năm 1991, Đặng Ngọc T, sinh năm 1994 và Đặng Ngọc L, sinh năm 1996. Hiện nay các con đã thành niên, có khả năng lao động, các đương sự không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4.3] Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu Toà án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4.4] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí hôn nhân gia đình theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Nghị quyết số 35/2000/NQ-QH10 ngày 09 tháng 6 năm 2000 về việc thi hành Luật hôn nhân gia đình;

Căn cứ Điều 14, 15, 16 của Luật hôn nhân gia đình năm 2014

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện tại đơn khởi kiện ngày 10/7/2020

Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Phạm Thị S và ông Đặng Ngọc C.

Về con chung và tài sản chung: Không xem xét.

Về án phí: Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Bà Phạm Thị S phải chịu 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, đã nộp đủ tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2019/0004396 ngày 24/7/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện TA.

Nguyên đơn, bị đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

**** Nơi nhận:***

- TAND tỉnh (1)
- VKSND h. TA (2)
- THADS h. TA (1)
- Các đương sự (2)
- UBND xã AC, h. TA (1)
- Lưu hồ sơ (2);
- Án Văn (2).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Nguyễn Thị Cơ